

 **DONGFENG**

**BOX**



Quãng đường di chuyển  
1 lần sạc đầy pin

**430** Km

Công suất  
cực đại

**70** kW

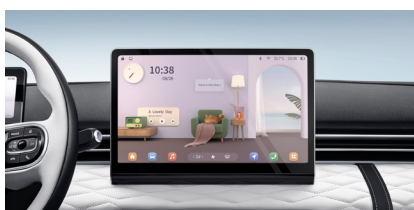
Sạc nhanh (DC)  
SOC (30% – 80%)

**30** Phút

Tốc độ  
0-50 km/h

**4.6** s

Màn hình giải trí 12 inch



Camera toàn cảnh 360°



Khoang hành lý rộng rãi



Tay nắm cửa ẩn



Cửa kính không viền



Hệ thống đỗ xe tự động



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Phiên bản                                  | E1<br>330km                       | E2<br>330km | E2<br>430km | E3<br>430km |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| KÍCH THƯỚC                                 |                                   |             |             |             |
| Dài (mm)                                   | 4030                              |             |             |             |
| Rộng (mm)                                  | 1810                              |             |             |             |
| Cao (mm)                                   | 1570                              |             |             |             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2660                              |             |             |             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 165                               |             |             |             |
| Trọng lượng không tải (Kg)                 | 1235                              | 1235        | 1312        | 1312        |
| HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG                        |                                   |             |             |             |
| Loại pin                                   | Pin LFP                           |             |             |             |
| Dung lượng pin (kWh)                       | 31,4                              | 31,4        | 42,3        | 42,3        |
| Hệ thống làm nóng pin                      | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống làm mát pin                       | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Chức năng cấp nguồn điện V2L               | -                                 | -           | ●           | ●           |
| Chức năng thu hồi năng lượng               | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Phạm vi di chuyển 1 lần sạc đầy CLTC (km)  | 330                               | 330         | 430         | 430         |
| Phạm vi di chuyển 1 lần sạc đầy NEDC (km)  | 283                               | 283         | 384         | 384         |
| Thời gian sạc nhanh (phút)                 | 30 phút (SOC 30-80%)              |             |             |             |
| Cổng sạc AC/DC tiêu chuẩn Châu Âu          | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG                       |                                   |             |             |             |
| Loại động cơ                               | Động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu |             |             |             |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước                         |             |             |             |
| Chế độ lái xe (Normal/ECO/Sport)           | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Công suất tối đa (kW)                      | 70                                |             |             |             |
| Tốc độ tối đa (km/h)                       | 140                               |             |             |             |
| Tăng tốc 0-50 km/h (giây)                  | 4,6                               |             |             |             |
| HỆ THỐNG KHUNG GÀM                         |                                   |             |             |             |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                         |             |             |             |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                        |             |             |             |
| Phanh trước                                | Đĩa thông gió                     |             |             |             |
| Phanh sau                                  | Đĩa                               |             |             |             |
| Phanh tay điện tử                          | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Autohold                                   | -                                 | ●           | ●           | ●           |
| Kích thước mâm bánh xe                     | R16                               | R17         | R17         | R17         |
| HỆ THỐNG AN TOÀN                           |                                   |             |             |             |
| Nhắc nhở không thắt dây an toàn            | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Điểm kết nối ghế an toàn trẻ em ISOFIX     | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Túi khí bên người lái                      | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Túi khí bên ghế lái phụ                    | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)       | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)         | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)  | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo (TCS)           | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Radar phía trước                           | -                                 | -           | -           | ●           |
| Radar phía sau                             | ●                                 | ●           | ●           | ●           |
| Camera lùi                                 | -                                 | ●           | ●           | -           |
| Camera toàn cảnh 360                       | -                                 | -           | -           | ●           |

|                                            |   |   |   |   |
|--------------------------------------------|---|---|---|---|
| Hệ thống phanh chủ động khẩn cấp (AEB)     | - | - | - | • |
| Hệ thống cảnh báo va chạm phía trước (FCW) | - | - | - | • |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn (LDW)           | - | - | - | • |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn (LKA )             | - | - | - | • |
| Hệ thống nhận dạng biển báo (TSR)          | - | - | - | • |
| Hệ thống kiểm soát tốc độ thông minh (ISA) | - | - | - | • |
| Hệ thống hỗ trợ kẹt xe (TJA)               | - | - | - | • |
| Kiểm soát hành trình Cruise Control        | - | • | • | - |
| Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC )      | - | - | - | • |
| Hệ thống đỗ xe tự động                     | - | - | - | • |
| TRANG BỊ NGOẠI THẤT                        |   |   |   |   |
| Cửa kính không viền                        | • | • | • | • |
| Tay nắm cửa ẩn                             | • | • | • | • |
| Cửa kính lái lên/xuống 1 chạm, chống kẹt   | • | • | • | • |
| Gương ngoài điều chỉnh điện                | • | • | • | • |
| Gương ngoài có chức năng sấy điện          | • | • | • | • |
| Gương ngoài gập điện                       | • | • | • | • |
| TRANG BỊ NỘI THẤT                          |   |   |   |   |
| Vô lăng bọc da PVC                         | - | • | • | • |
| Vô lăng kèm các nút đa chức năng           | • | • | • | • |
| Vô lăng chỉnh cơ 2 hướng                   | • | • | • | • |
| Màn hình lái Full LCD 5 inch               | • | • | • | • |
| Màn hình trung tâm 12 inch                 | - | • | • | • |
| Sạc không dây điện thoại thông minh        | - | • | • | • |
| Ghế trước bọc da PVC                       | • | • | • | • |
| Ghế sau bọc da PVC                         | • | • | • | • |
| Ghế lái điều chỉnh điện                    | • | • | • | • |
| Ghế phụ điều chỉnh cơ                      | • | • | • | • |
| Ghế lái có tính năng sưởi, thông gió       | - | • | • | • |
| Ghế lái có tính năng nhớ ghế, chào đón     | - | • | • | • |
| Hàng ghế sau gập tỉ lệ 60:40               | • | • | • | • |
| Hàng ghế trước có tính năng ngả ghế phẳng  | - | • | • | • |
| HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG                        |   |   |   |   |
| Đèn pha tự động bật/tắt                    | • | • | • | • |
| Đèn chờ dẫn đường - Follow me home         | - | • | • | • |
| Đèn LED định vị ban ngày                   | • | • | • | • |
| Đèn viền nội thất đa sắc tùy chỉnh         | - | • | • | • |
| HỆ THỐNG GIẢI TRÍ                          |   |   |   |   |
| Kết nối Bluetooth                          | - | • | • | • |
| Kết nối điện thoại thông minh              | - | • | • | • |
| Hệ thống âm thanh 4 loa                    | - | • | • | - |
| Hệ thống âm thanh 6 loa                    | - | - | - | • |
| Hệ thống Microphone                        | - | • | • | • |
| TRANG BỊ TIỆN NGHI                         |   |   |   |   |
| Hộc đựng đồ dưới bảng điều khiển trung tâm | • | • | • | • |
| Khay đựng cốc phía trước                   | • | • | • | • |
| Cốp phụ bên trong dạng trượt               | • | • | • | • |
| Hệ thống điều hòa                          | - | - | - | • |
| Hệ thống lọc bụi mịn                       | • | • | • | • |

|                                                                                    |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| MÀU NGOẠI THẤT                                                                     |                                                                                     |                                                                                     | MÀU NỘI THẤT                                                                        |                                                                                     |
|  |  |  |  |  |
| Frosted White                                                                      | Lux Silver                                                                          | Lavender Purple                                                                     | Black - Gray                                                                        | Black - White                                                                       |
|  |  |                                                                                     |  |                                                                                     |
| Denim Blue                                                                         | White Blue                                                                          |                                                                                     | Purple - Black                                                                      |                                                                                     |

\* LƯU Ý:

\* Thông tin và hình ảnh chỉ mang tính chất tham khảo và có thể khác so với thực tế.  
Các chi tiết trên xe có thể thay đổi mà không cần báo trước.

\* Các sản phẩm Dongfeng Motor được nhập khẩu và phân phối tại thị trường Việt Nam bởi Carvivu

## CÔNG TY CỔ PHẦN CARVIVU

 Dongfeng Motor Vietnam

 <https://dongfengcar.vn/>

 DONGFENG VIETNAM

 Dongfeng Motor Vietnam

 [info@dongfengcar.vn](mailto:info@dongfengcar.vn)

 Hotline: 0971.465.746

\*TÌM HIỂU TẠI ĐÂY





DONGFENG